TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/DS-ST
Ngày: 27-9-2018
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tăng Thiện Tính;

- Ông Lê Ngọc Lâm.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc San, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 8 năm 2018 và ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1974.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã B, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 10 KDC, Tổ 6, KV 1, đường H, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Trương Tấn L, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại biên bản hòa giải ngày 31 tháng 8 năm 2017, biên bản hòa giải ngày 17 tháng 5 năm 2018 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày*: Ngày 06/6/2017 đến ngày 17/6/2017, ông Huỳnh Thanh T có điều xà lan HG-6669 chở cát san lắp vào cầu số 1, ấp L, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau. Tải trọng của xà lan là 470m^3 để bán cho ông Trương Tấn L với giá 250.000 đồng/m^3 như đã thỏa thuận. Trong quá trình bơm cát lên mặt bằng khi bơm được 318m^3 thì ông L kêu ngưng bơm không lý do. Tại thời điểm xảy ra tranh chấp ông T có nhờ chính quyền địa phương lập biên bản về việc ngưng bơm cát và liên hệ với ông L nhiều lần để giải quyết nhưng ông L không hợp tác. Ngoài ra ông L còn nợ tiền ông T bơm cát trước đó là 20.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Do đó, ông T yêu cầu ông L trả số tiền 318m^3 x 250.000 đồng/m^3 = 79.500.000 đồng + 20.000.000 đồng = 99.500.000 đồng và tiền lãi là 1.125%/tháng từ tháng 7/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tổng số tiền ông T yêu cầu ông L trả là 117.919.900 đồng.

** Tại biên bản hòa giải ngày 31 tháng 8 năm 2017, biên bản hòa giải ngày 17 tháng 5 năm 2018 và tại phiên tòa ông Trương Tấn L trình bày:* Ông L xác định có điện thoại xác lập hợp đồng bơm cát với ông Huỳnh Thanh T để bơm cát cho công trình xây dựng cột cờ Hà Nội tại xã đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau khối lượng 470m^3 với giá 250.000 đồng/m^3 nhưng khi bơm lên được khoảng ½ sà lan ông phát hiện cát không đúng chất lượng có pha sìn nên kêu ông T ngưng bơm. Sự việc xảy ra ông có báo với Công an xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển để làm việc và có ý định kêu cơ quan chuyên môn để thẩm định chất lượng cát nhưng ông T tự ý cho sà lan đi mà không để cơ quan làm việc và không cho ông hay. Ông xác định sà lan ông T khi đến là 470m^3 nhưng bơm lên được bao nhiêu thì ông không xác định được. Nay ông Huỳnh Thanh T yêu cầu ông trả số tiền 79.500.0000 đồng với khối lượng 318m^3 tôi không đồng ý với các lý do:

Khi ông T cho ghe cát đi ông T không kêu ông xuống đo lại khối lượng cát còn lại mà nhờ chính quyền ấp đo là không đúng và khi hợp đồng là ông mua khối lượng 470m^3 chứ không phải số lượng cát đã bơm lên.

Ông xác định đối với ghe đầu tiền thì đo bằng thước để xác định khối lượng, còn các ghe tiếp theo thì căn cứ vào mực nước đã đánh dấu trên ghe để tính khối lượng cát. Đối với ghe cát ngày 12/6/2017 thì mực nước đúng với chuẩn đã được đo trước đây.

Ông T cho rằng đã bơm được 318m^3 là không đúng vì theo ông biết nếu ghe chở cát nguyên chất không có xìn thì được 470m^3 nhưng ghe chở có pha sìn thì khoảng 400m^3.

Riêng đối với phần tiền 20.000.000 đồng ông thiếu ông T trước đây, ông đồng ý thanh toán cho ông T nhưng ông T phải xuất hóa đơn cho ông.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm*:

- Về tuân thủ pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông L trả cho ông T số tiền 99.500.000 đồng và tiền lãi 1.125%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết luận tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng*: Ông Huỳnh Thanh T khởi kiện yêu ông Trương Tấn L cư trú tại khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau trả tiền mua bán cát còn thiếu. Xét đây là quan hệ "*Tranh chấp hợp đồng mua bán*", theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

2. *Về nội dung*: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Thanh T yêu cầu ông Trương Tấn L trả số tiền bơm cát còn thiếu 318m^3 x 250.000 đồng/m^3 = 79.500.000 đồng + 20.000.000 đồng = 99.500.000 đồng và tiền lãi là 1.125%/tháng từ tháng 7/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/9/2018 là 117.919.900 đồng. Ông Trương Tấn L thừa nhận có hợp đồng bằng điện thoại với ông T về việc mua cát để xây dựng cột cờ Hà Nội nên việc mua bán giữa ông T và ông L là thực tế có xảy ra.

Tại phiên tòa ông Trương Tấn L thừa nhận còn nợ tiền ông T là 20.000.000 đồng trước đó nhưng cho rằng đây là phần tiền dằn lại để ông T xuất hóa đơn nhưng việc ông L trình bày không được phía nguyên đơn thừa nhận và ông L cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông nên có cở sở khẳng định số tiền 20.000.000 đồng là tiền ông L nợ tiền bơm cát trước đó của ông T. Đối với số tiền 79.500.000 đồng của số cát 318m^3 ông L cho rằng khi phát hiện phần cát bơm có pha sìn thì ông L yêu cầu ông T dừng bơm và ông L có báo với chính quyền địa phương để giải quyết nhưng ông T không đợi giải quyết mà tự ý cho sà lan đi. Đồng thời, ông L cho rằng xà lan ông T chở không đủ 470m^3 cát như đã thỏa thuận mà khoảng 400m^3 vì cát có pha sìn và ông L không xác định được khối lượng cát bơm lên là bao nhiêu m^3 nên ông không đồng ý thanh toán theo yêu cầu của ông T. Tuy nhiên, sau khi ghe của ông T đến ấp L, xã Đ, huyện N để bơm cát lên công trình thì ông L có kiểm tra chất lượng cát trên ghe và đồng ý cho ông T bơm cát lên công trình nên có cơ sở xác định cát trên sà lan của ông T là đúng chất lượng và đủ 470m^3. Ông T căn cứ số cát còn lại là 152m^3 để tính khối lượng

cát đã bơm lên là 318m^3 nhưng việc này không được ông L thừa nhận. Mặc khác, khi cho sà lan đi ông T không yêu cầu ông L hoặc cơ quan có chuyên môn đến đo để xác đình phần cát còn lại trên sà lan mà tự ông T đo và nhờ chính quyền địa phương lập biên bản ghi nhận điều này phù hợp với lời trình bày của ông Nguyễn Phú Đức và ông Nguyễn Văn Chính là người trực tiếp ghi biên bản ngày 17/6/2017 nên lời trình bày của ông T là không có cơ sở. Xét về lỗi thì ông T và ông L điều có lỗi ngang nhau làm cho hợp đồng không thực hiện được nên mỗi bên phải chịu thiệt hại 50% là (470m^3 x 50% = 235m^3). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông Huỳnh Thanh T. Buộc ông Trương Tấn L có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền ½ x 470m^3 x 250.000 đồng = 58.750.000 đồng và 20.00.000 đồng là 78.750.000 đồng.

Đối với yêu cầu tiền lãi của ông T xét thấy phù hợp vì ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên được chấp nhận. Do đó, buộc ông L phải chịu tiền lãi từ ngày 01/7/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm đối với tiền 78.750.000 đồng là: (78.750.000 đồng x 1.125% x 14 tháng = 12.403.000 (làm tròn) đồng) + (78.750.000 đồng x 0.0375% x 27 ngày = 797.300 (làm tròn) đồng) = 13.200.300 (làm tròn) đồng.

Tổng số tiền ông Trương Tấn L phải trả cho ông Huỳnh Thanh T là 91.950.300 đồng (làm tròn).

3. *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Huỳnh Thanh T phải chịu đối với yêu cầu không được chấp nhận là 25.969.500 đồng x 5% = 1.298.475 đồng, ngày 25 tháng 7 năm 2017 ông T đã dự nộp số tiền 2.525.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013761 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển đối trừ, ông T được nhận lại 1.226.525 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Án phí dân sự có giá ngạch sơ thẩm ông Trương Tấn L phải chịu 91.950.300 đồng x 5% = 4.597.515 đồng.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 430, Điều 431, Điều 432, Điều 433, Điều 434, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Huỳnh Thanh T đối với ông Trương Tấn L.

Buộc ông Trương Tấn L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Thanh T số tiền 91.950.300 (Chín mươi mốt triệu chín trăm năm mươi nghìn ba trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Huỳnh Thanh T phải chịu đối với yêu cầu không được chấp nhận là 25.969.500 đồng x 5% = 1.298.475 đồng, ngày 25 tháng 7 năm 2017 ông T đã dự nộp số tiền 2.525.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013761 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển đối trừ, ông T được nhận lại 1.226.525 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Án phí dân sự có giá ngạch sơ thẩm ông Trương Tấn L phải chịu 91.950.300 đồng x 5% = 4.597.515 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nghi